TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/DSST
Ngày: 13-8-2024
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Bà Trần Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 173/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HPT ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1971; Bà Nguyễn Đình Bảo N, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Thái Thanh T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường T1, sinh năm 1971; Bà Đào Thị N1, sinh năm 1983.

Cùng HKTT: Thôn H, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi ở hiện nay: Đường 39, tổ 6, thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông T1 có mặt; ông T, bà N, ông S, bà N1 *vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên ông Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N do ông Thái Thanh T1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông S cần một số vốn để kinh doanh làm ăn. Sau khi thỏa thuận, ngày 15/3/2024 vợ chồng ông T, bà N có cho vợ chồng ông S vay mượn số tiền là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn vay mượn trong vòng 01 (một) tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Vì là chỗ quen biết nên vợ chồng ông T, bà N và vợ chồng ông S chỉ ghi bằng giấy tay vào ngày 15/3/2024 để làm tin chứ không có ra công chứng, vợ chồng ông S cam kết sau 01 (một) tháng sẽ trả đủ số tiền vay mượn trên cho vợ chồng ông T, bà N.

Từ khi cho vay mượn xong, vợ chồng ông T, bà N vẫn thường xuyên liên lạc với vợ chồng ông S để yêu cầu trả số tiền vay mượn cho vợ chồng ông T, bà N. Đến hẹn sau 01 tháng, vợ chồng ông T, bà N yêu cầu vợ chồng ông S trả số tiền vay mượn trên cho vợ chồng ông T, bà N. Lúc này, vợ chồng ông S chưa có tiền trả nên có xin vợ chồng ông T, bà N khất lại thêm thời gian khoảng 01 tháng nữa sẽ trả. Vì tin tưởng và giúp đỡ cho vợ chồng ông S nên vợ chồng ông T, bà N cũng đồng ý.

Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn mà vợ chồng ông S không giữ đúng lời hứa theo thỏa thuận. Nhiều lần vợ chồng ông T, bà N gọi điện yêu cầu vợ chồng ông S trả số tiền nêu trên thì vợ chồng ông S cứ hứa hẹn lần này đến lần khác. Đến nay, đã quá thời hạn nhưng vợ chồng ông S vẫn không trả nợ cho vợ chồng ông T, bà N số tiền nêu trên theo như cam kết.

Nhận thấy việc vợ chồng ông S không có thiện chí trả nợ cho vợ chồng ông T, bà N. Vợ chồng ông T, bà N có gặp trực tiếp vợ chồng ông S để yêu cầu vợ chồng ông S trả số tiền vay mượn nêu trên cho vợ chồng ông T, bà N nhưng vợ chồng ông S cứ phớt lờ, cứ trốn tránh trách nhiệm.

Do đó vợ chồng ông T, bà N yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Trường S và bà Đào Thị N1 phải trả cho vợ chồng ông T, bà N số tiền là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 là 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa bên N1 đơn ông T, bà N yêu cầu ông S, bà N1 trả 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) tiền gốc. Ông T, bà N rút lại phần yêu cầu ông S, bà N1 trả tiền lãi 6.300.000 đồng.

Bị đơn Ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Ông T, bà N yêu cầu ông S, bà N1 trả cho ông T, bà N số tiền vay là 260.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 là 6.300.000 đồng, tổng cộng là 266.300.000 đồng. Tại phiên tòa bên N1 đơn ông T, bà N yêu cầu ông S, bà N1 trả 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) tiền gốc. Yêu cầu của ông T, bà N là có cơ sở và phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của ông T, bà N. Ông T, bà N rút lại phần yêu cầu ông S, bà N1 trả tiền lãi 6.300.000 đồng thì đề nghị đình chỉ giải quyết phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 trả cho ông T, bà N số tiền vay là 260.000.000 đồng nên đây là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Nơi cư trú của ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 là đường 39, tổ 6, thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng ông S, bà N1 vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S, bà N1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T, bà N vắng mặt nhưng đã có ủy quyền cho ông Thái Thanh T1 nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông T, bà N rút lại phần yêu cầu ông S, bà N1 trả tiền lãi từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 là 6.300.000 đồng thì đình chỉ giải quyết phần này.

Xét yêu cầu đòi ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 trả số tiền vay là 260.000.000 đồng cho ông T, bà N thấy:

Theo giấy mượn tiền lập ngày 15/3/2024 thì ông Nguyễn Trường S có mượn của ông Lê Văn T số tiền 260.000.000 đồng. Trong giấy có ghi trong vòng một tháng sẽ trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Theo ông T, bà N thì sau đó ông S, bà N1 có xin gia hạn thêm một tháng nhưng cũng chưa trả nợ.

Như vậy ông T, bà N yêu cầu ông S, bà N1 trả cho ông T, bà N số tiền vay 260.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp.

Do đó căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N để buộc ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 phải trả cho ông T, bà N số tiền vay 260.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch 260.000.000đ x 5% = 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Hoàn trả cho Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N 6.657.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T, bà N đã nộp theo biên lai số 0000465 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết phần ông Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N yêu cầu ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 trả cho ông T, bà N số tiền lãi 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N về việc yêu cầu ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 trả cho ông T, bà N số tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 trả cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N số tiền vay 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Nguyễn Trường S, bà Đào Thị N1 nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Hoàn trả cho Lê Văn T, bà Nguyễn Đình Bảo N 6.657.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T, bà N đã nộp theo biên lai số 0000465 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/8/2024), đương sự có quyền kháng cáo; đối với ông S, bà N1 vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thì hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự")

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H. Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan